

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2023/HS-ST
Ngày 04-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Sâm.
- Ông Nguyễn Văn Diệu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Huân- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023 đối với:

Bị cáo: Phạm Văn T; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 19/11/1967, tại phường Ng, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Nơi thường trú: khu X, phường Ng, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở: khu chung cư H1, xã A, huyện A1, thành phố Hải Phòng;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Phạm Văn L(đã chết). Năm 1989, ông Lưu được Hội đồng Bộ trưởng nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất do đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Mẹ đẻ: Đỗ Thị Th(đã chết). Năm 1998, bà Th được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tặng Huy chương vì sự nghiệp giao thông vận tải; Vợ: Vũ Thị N, đã chết; Có 01 con, sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: không; Bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/02/2023.

Bị hại: bà Trần Thị Th1, sinh năm 1971 (đã chết)

Nơi cư trú: Thôn M, xã H2, huyện N1, tỉnh Hải Dương

Những người đại diện hợp pháp cho bị hại:

- Cụ Trần Trọng Q, sinh năm 1942 (Bố đẻ bà Th)
- Cụ Phạm Thị X1, sinh năm 1945 (Mẹ đẻ bà Th)
- Ông Lê Lương A2, sinh năm 1967 (chồng bà Th)
- Anh Lê Lương T1, sinh năm 1994 (con trai bà Th)

Đều cư trú: Thôn M, xã H2, huyện N1, tỉnh Hải Dương.

- Chị Lê Thị Kim O, sinh năm 1996 (con gái bà Th)

Nơi cư trú: Xã U, huyện N1, tỉnh Hải Dương.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người đại diện theo ủy quyền của Cụ Q, cụ X1, anh T1, chị O:***

Ông Lê Lương A2, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Thôn M, xã H2, huyện N1, tỉnh Hải Dương.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại Đ.

Địa chỉ: Khu 1, L1, phường Ph, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị A3, sinh năm 1976- Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc N2– Cán bộ Công ty.

- ***Người làm chứng:***

1. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn K1, xã V, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương.

2. Ông Đỗ Văn Ô, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn N3, xã T2, huyện K2, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Nguyễn Đình H3, sinh năm 1972, cư trú tại: khu 2 thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Hải Dương;

4. Chị Nguyễn Thị Ph1, sinh năm 1973 và anh Đỗ Bá V1, sinh năm 1971, đều cư trú tại: thôn Đ1, xã A3, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo. Vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Phạm Văn T có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa hạng T1, số 00003331 do Cục đường thủy nội địa Việt Nam cấp ngày 08/3/2019, giá trị đến ngày 08/3/2024, hợp đồng lái tàu chở hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại Đ (*viết tắt là Công ty TNHH một thành viên Đ*), địa chỉ tại: khu 1 L1, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh

Hải Dương. Khoảng 03 giờ ngày 17/10/2022, theo sự điều hành của Công ty, T được phân công thuyền trưởng điều khiển tàu chở hàng Đ 8, số đăng ký HD-2179, chiều dài thiết kế 56,28 mét, chiều dài lớn nhất 57,79 mét, chiều rộng thiết kế 9,10 mét, chiều rộng lớn nhất 9,30 mét, chiều cao mạn 3,30 mét, chiều chìm 2,96 mét, mạn khô, vật liệu vỏ thép, số lượng kiểm và công suất máy chính 01.WP12C450-21; 450 sức ngựa, tải trọng toàn phần 1073/1063 tấn (có báo cáo kiểm tra kỹ thuật phương tiện thủy nội địa; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa đến ngày 24/4/2023) cùng 02 giúp việc là ông Hoàng Văn D và ông Đỗ Văn Ô từ bến thủy C, thành phố Hải Phòng di chuyển trên đường thủy nội địa (sông L2), hướng hạ lưu đi thượng lưu, tới bến thủy C1, huyện K3, tỉnh Hà Nam nhận hàng. Quá trình vận hành tàu để an toàn T phân công ông Ô ở mũi tàu làm nhiệm vụ của hoa tiêu, quan sát luồng tàu chạy, phát hiện chướng ngại vật bất thường thông báo, chỉ dẫn cho T. Đến bến phà Q1, huyện T3, thành phố Hải Phòng, T neo đậu tàu cho ông D lên bờ đi khám bệnh rồi lại tiếp tục hành trình. Qua đền Tr, xã Đ2, huyện N1, tỉnh Hải Dương, do quen đường và đoạn sông khu vực này thẳng, T gọi bảo ông Ô vào cabin nghỉ. Ông Ô đồng ý vào ngủ trong cabin. Khoảng 05 giờ 15 phút ngày 17/10/2022, tàu do T điều khiển đến km số 21+500 mét, sông L2, thuộc thôn Đ1, xã A3, huyện Qu (qua phà xã A4 khoảng 200 mét). Sông thẳng, rộng 118 mét, vị trí sâu nhất 15 mét, luồng tàu chạy rộng khoảng 50 mét, dòng nước chảy hướng hạ lưu (thành phố Hải Phòng) thượng lưu (tỉnh Hà Nam), mặt nước có sóng, không chướng ngại vật, mực nước mức trung bình; bờ phải (thượng lưu đi hạ lưu) có kè đá, tiếp đến là bãi bồi thôn L3, xã A4. Trên bờ phải có biển báo bên khách ngang sông (ký hiệu C4.6), cách biển báo C4.6 về hướng hạ lưu 05 mét có biển báo luồng đi gần bờ bên phải (ký hiệu A3.1), dưới biển báo A3.1 có biển báo luồng cách bờ 50 mét (ký hiệu C2.4). Trên bờ trái (thượng lưu đi hạ lưu) là bờ đất tự nhiên, tiếp đến là bãi bồi ven sông thôn Đ1 xã A4, có biển báo cấm đỗ (ký hiệu C1.4). Lúc này trời tối, không mưa, tầm nhìn bị hạn chế, tàu có đèn pha quét. T khai không sử dụng rượu bia hoặc chất kích thích trước khi lái tàu. Ở phía trước cách tàu T khoảng 50 đến 70 mét có 01 tàu chở hàng (không rõ số hiệu) di chuyển ở giữa sông nên T điều khiển tàu lệch sang phải, cách bờ trái khoảng 20 mét, với vận tốc 09 km/h. Bị hạn chế tầm nhìn do trời tối, mũi tàu cao, không có hoa tiêu và người cảnh giới, T không quan sát thấy ở phía trước tàu có thuyền cá tự chế (phương tiện thủy gia dụng), vỏ kim loại, màu sơn đỏ, dài 6,9 mét, rộng nhất 1,6 mét, mái che phía sau cao 1,95 mét, gắn động cơ chạy dầu (không có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa), không có đèn tiêu, cách bờ thôn Đ1 khoảng 20 mét, do bà Trần Thị Th1 điều khiển, tắt động cơ, thả trôi, đầu thuyền hướng hạ lưu, đuôi thuyền hướng thượng lưu, để chông là ông Lê Lương A2, ngồi ở mũi thuyền kéo lưới đánh bắt cá. Cách gần 100 mét, thấy tàu đi về phía thuyền cá, ông A2 và bà Th dùng đèn pin đeo trên đầu rọi về phía cabin tàu phát tín hiệu để tránh va chạm. T quan sát thấy có ánh sáng ở phía mũi tàu, biết có thuyền nhỏ đã điều khiển cho mũi tàu sang trái, cài số lùi giảm tốc độ. Tuy nhiên, do không giảm tốc độ từ trước nên tàu vẫn tiếp tục đi về phía thuyền cá, khi khoảng cách còn gần 20 mét, không có cách nào khác, ông A2 cùng bà Th đã phải nhảy xuống sông. Ngay sau đó, phần bên phải mũi tàu T điều khiển va vào thân bên trái thuyền cá, đẩy chiếc thuyền cá lật chìm xuống sông. Tàu T điều khiển theo quán tính, dòng chảy tiếp tục di chuyển về phía trước. Ông A2 cùng bà Th bơi vào bờ trái (thôn Đ1). Vào đến bờ, thấy bà Th bị đuối nước

ông A2 liền bơi ra kéo bà Th vào. Tàu T điều khiển bị chết máy theo quán tính, dòng chảy di chuyển quay ngang sông. Sau khi khắc phục được sự cố T điều khiển tàu vào neo đậu ở sát mé bờ trái, cách vị trí va chạm khoảng 15 mét. T cùng ông Ồ lên bờ tìm thấy ông A2 nằm bất tỉnh, bà Th tử vong trên bờ đã cùng người dân sơ cứu ông A2, điện báo cho Công ty biết rồi về Công an huyện Quỳnh Phụ trình báo sự việc. Hậu quả: bà Th bị tử vong do ngạt nước; tàu số đăng ký HD-2179 không hư hỏng; thuyền cá bị chìm móp méo, trầy xước nhẹ.

Kết luận giám định số 259/KL-KTHS(PY) ngày 18/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “1. Các dấu hiệu chính qua giám định tử thi bà Trần Thị Th1: Trên toàn bộ bên ngoài cơ thể không phát hiện dấu vết tổn thương do ngoại lực tác động. Kết luận giám định mô bệnh học: Hình ảnh phổi tổn thương do ngạt nước; cơ tim sung huyết, xuất huyết, mỡ hóa rải rác; các tạng còn lại sung huyết. Kết luận giám định độc chất: Trong mẫu phủ tạng, máu ghi thu của tử thi Trần Thị Th1 gửi giám định không tìm thấy các chất độc thường gặp: Cyanide (CN-), thuốc diệt chuột (các muối phốt phua, Fluoroacetat, Tetramin, nhóm chống đông máu), hóa chất bảo vệ thực vật (Phospho hữu cơ, Clo hữu cơ, Carbamat, Paraquat và Diquat, Glyphosate, Nereistoxin), alkaloid độc của lá ngón, mã tiền, cà độc dược, quinin, ô đầu - phụ tử, các chất an thần gây ngủ, kim loại nặng độc. 2. Nguyên nhân chết: Nạn nhân Trần Thị Th1 chết do ngạt nước”

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSQP ngày 30/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố bị cáo T về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 272 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo T đã khai nhận hành điều khiển tàu trong điều kiện trời tối đã không giảm tốc độ, không phát âm hiệu, đã gây tai nạn đối với thuyền cá tự chế do bà Th điều khiển ở phía trước mũi tàu, hậu quả làm bà Th tử vong do bị ngạt nước sau tai nạn giao thông. Sau khi phạm tội, bị cáo đã khắc phục hậu quả xảy ra cho những người đại diện hợp pháp của bị hại. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo T về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 272; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo T từ 01 năm 6 tháng đến 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường Ng, thành phố H, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Về trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong nên không đặt ra giải quyết. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu 01 thuyền cá để hóa giá nộp ngân sách Nhà nước, trả lại bị cáo 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí: Bị cáo

phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo có lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo yên tâm cải tạo, hòa nhập cộng đồng xã hội, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường thủy do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình lập hồi 09 giờ, 13 giờ 00 phút ngày 17/10/2022; Kết luận giám định số 7830/KL-KTHS ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an; Kết luận giám định số 259/KL-KTHS(PY) ngày 18/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Biên bản khám nghiệm tử thi bà Trần Thị Th1 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 10 giờ ngày 17/10/2022. Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 05 giờ 15 phút ngày 17/10/2022, tại km số 21 + 500 mét, sông L2, thuộc thôn Đ1, xã A3, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, bị cáo Phạm Văn T có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa hạng T1, điều khiển tàu chở hàng Đ 8, số đăng ký HD-2179, chiều dài thiết kế 56,28 mét, chiều dài lớn nhất 57,79 mét, chiều rộng thiết kế 9,10 mét, chiều rộng lớn nhất 9,30 mét, chiều cao mạn 3,30 mét, chiều chìm 2,96 mét, vật liệu vỏ thép, số lượng kiểm và công suất máy chính 01.WP12C450-21; 450 sức ngựa, tải trọng toàn phần 1073/1063 tấn, hành trình hướng hạ lưu (thành phố Hải Phòng) đi thượng lưu (tỉnh Hà Nam), với tốc độ 09km/h, cách bờ thôn Đ1, xã A4(bờ trái) khoảng 20 mét, trong điều kiện bị hạn chế tầm nhìn do trời tối, mũi tàu cao, không có người hoa tiêu, cảnh giới, không giảm tốc độ, không phát âm hiệu, nên mũi tàu đã va chạm với thân bên trái thuyền cá tự chế (phương tiện thủy gia dụng), vỏ kim loại, dài 6,9 mét, rộng nhất 1,6 mét, gắn động cơ chạy dầu, do bà Trần Thị

Th1 điều khiển, tắt động cơ, thả trôi, để chồng là ông Lê Lương A2 kéo lưới đánh bắt cá, đẩy lật chìm thuyền cá; bà Th, ông A2 phải nhảy xống sông. Hậu quả: bà Th tử vong do ngạt nước; tàu số đăng ký HD-2179 không hư hỏng; thuyền cá bị móp méo, trầy xước nhẹ.

Hành vi trên của bị cáo T đã vi phạm khoản 1 Điều 37, Điều 48 Luật Giao thông đường thủy nội địa quy định về tốc độ và âm hiệu của phương tiện tham gia giao thông đường thủy trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế, gây hậu quả nghiêm trọng làm một người chết. Hành vi đó đã phạm tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 272 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 272. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy

"1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường thủy mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm sự an toàn của người và phương tiện giao thông đường thủy, bị cáo đã không tuân thủ quy định của Luật giao thông đường thủy, điều khiển phương tiện tàu thủy trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế, nhưng bị cáo đã không chủ động giảm tốc độ của phương tiện, không phát âm hiệu theo quy định để người và phương tiện tham gia giao thông khác biết, nên đã gây tai nạn với thuyền đánh cá tự chế do bà Th điều khiển phía trước, làm bà Th tử vong. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho thấy: Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại để khắc phục hậu quả xảy ra, có bố và mẹ đẻ được tặng thưởng huân, huy chương, đại diện bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét về nguyên nhân tai nạn, bị hại cũng có lỗi một phần không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định về giao thông đường thủy nội địa, điều khiển thuyền tự chế hoạt động đánh bắt cá trên sông trong điều kiện trời tối, tầm nhìn bị hạn chế nhưng không có đèn hiệu. Vì vậy khi lượng hình cần áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện tại có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo lao động tự do, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[7] Công ty TNHH một thành viên Đ giao tàu cho bị cáo T nhưng không bố trí đủ định biên thuyền viên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Luật Giao thông đường thủy nội địa và hành vi bị cáo T nhận điều khiển phương tiện (tàu chở hàng) khi không đủ định biên, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 21 Nghị định 139/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa. Ngày 01/6/2023, Công an huyện Quỳnh Phụ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi nêu trên của Công ty TNHH một thành viên Đ và bị cáo T.

Đối với ông Đỗ Văn Ô không phải là thuyền viên được T thuê làm phụ việc trên tàu. Ngày 17/10/2022, ông Ô được T phân công ở mũi tàu làm nhiệm vụ của hoa tiêu đến khu vực đền Tr, xã Đ2, huyện N1, T gọi bảo ông Ô vào cabin nghỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý đối với ông Ô.

Hành vi đánh bắt cá của bà Th và ông A2 ở khu vực sông L2 thuộc thôn Đ1, xã A3, huyện Qu, do không có quy định việc cấm hoạt động khai thác thủy sản ở vị trí nêu trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

-Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo T và Công ty TNHH một thành viên Đ đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường chi phí mai tang phí, bù đắp tổn thất về tinh thần và các chi phí khác cho gia đình bà Th số tiền 330.000.000 đồng. Gia đình bà Th đã nhận đủ số tiền trên không còn yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Số tiền 330.000.000 đồng bồi thường cho gia đình bị hại, bị cáo T và Công ty đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

-Tàu chở hàng Đ 8, số đăng ký HD-2179 là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH một thành viên Đ. Ngày 28/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho Công ty quản lý là đúng quy định. Đối với thuyền cá, ông A2 khai mua của người không quen biết về tự cải tạo, sửa chữa, sử dụng đánh bắt thủy sản ở sông L2, không có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, không đăng kiểm, kiểm định an toàn kỹ thuật. Ông A2 không yêu cầu nhận lại thuyền cá nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà

nước là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. - Đối với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, hạng T1, số 00053917, mang tên Phạm Văn T do Cục đường thủy nội địa Việt Nam cấp ngày 08/3/2019, do không áp dụng hình phạt bổ sung, vì vậy cần trả lại cho bị cáo T.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 272; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường Ng, thành phố H, tỉnh Hải Dương; giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự”.

2. Về xử lý vật chứng: *Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.*

-Tuyên trả lại bị cáo T 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, hạng T1, số 00053917, mang tên Phạm Văn T do Cục đường thủy nội địa Việt Nam cấp ngày 08/3/2019.

-Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 thuyền đánh cá của ông Lê Lương A2.

“Chiếc thuyền đánh cá có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý”

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự*. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Những người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- UBND phường Ng, thành phố H, tỉnh Hải Dương.
- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp cho bị hại; Người có QLVNVLQ.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC